TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35/2019/QĐST-HNGĐ	*Ba Đồn, ngày 17 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 41/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị L - Sinh năm: 1981

Nơi cư trú: tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

Bị đơn: Anh Phan Đình H - Sinh năm: 1984

Nơi cư trú: tổ dân phố Minh L, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, khoản 1 Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đinh Thị L và anh Phan Đình H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ con chung:

Hai bên đương sự thống nhất thừa nhận quá trình chung sống có 02 con chung, tên là Phan Thị Hải Y, sinh ngày 23/11/2002 và Phan Thanh H, sinh ngày 06/3/2007. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung Phan Thanh H cho chị Đinh Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Phan Thị Hải Y cho anh Phan Đình H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung:

Hai bên thống nhất vợ chồng có tài sản chung là một ngôi nhà cấp 4, móng xây bằng đá hộc, tường xây bằng gạch, bê tông cốt thép kiên cố, diện tích 140m^2 và các vật dụng khác trong nhà tại tổ dân phố Minh Lợi, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình có trị giá 468.800.000 đồng *(Bốn trăm sáu mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng)* và 02 chiếc xe mô tô trị giá 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng).*

Sau khi ly hôn, giao cho anh Phan Đình H sở hữu, sử dụng ngôi nhà, toàn bộ vật dụng khác trong nhà và 02 chiếc xe mô tô có tổng trị giá là 476.800.000 đồng *(Bốn trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng)*; anh Phan Đình H phải giao lại cho chị Đinh Thị L số tiền chênh lệch tài sản là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng).*

- Về án phí:

Hai bên đương sự thống nhất chị Đinh Thị L nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn và nộp tiền án phí chia tài sản là 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng).* Tổng cộng chị L phải nộp 2.650.000 đồng *(Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002336 ngày 08 tháng 4 năm 2019. Như vậy, chị L còn phải nộp 2.350.000 đồng *(Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí.

Anh Phan Đình H nộp tiền án phí chia tài sản là 9.420.000 đồng *(Chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng)* để sung vào công quỹ Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn